

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng
công trình trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 4555/SXD-KT&VLXD ngày 15/12/2017 về việc Ban hành Quyết định công bố các bộ Đơn giá xây dựng công trình; Đơn giá xây dựng công trình chuyên ngành điện; Đơn giá xây dựng công trình chuyên ngành Bưu chính viễn thông; Bảng giá ca máy và thiết bị thi công trên địa tỉnh Quảng Ninh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố kèm theo Quyết định này Bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh gồm 06 khu vực:

- Khu vực 1 (KV1) gồm các địa phương: Hạ Long, Cẩm phá, Uông Bí, Móng Cái (trừ các xã Vĩnh Trung, Vĩnh Thực);

- Khu vực 2 (KV2) gồm các địa phương: Đông Triều, Quảng Yên, Hoàn Bô;

- Khu vực 3 (KV3) gồm các địa phương: Tiên Yên, Đầm Hà, Hải Hà (trừ xã Cái Chiên), Vân Đồn (trừ các xã: Bản Sen, Thắng Lợi, Ngọc Vòng, Quan Lạn, Minh Châu);

- Khu vực 4 (KV4) gồm các địa phương: Bình Liêu, Ba Chẽ;

- Khu vực 5 (KV5) gồm các xã: Bản Sen, Thắng Lợi, Ngọc Vòng, Quan Lạn, Minh Châu của Huyện Vân Đồn; xã Cái Chiên của Huyện Hải Hà; các xã Vĩnh Trung, Vĩnh Thực của thành phố Móng Cái (các xã đảo);

- Khu vực 6 (KV6): Huyện Cô Tô.

Điều 2. Công bố Bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, tham khảo lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình đối với các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách và các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 3. Xử lý chuyển tiếp:

1. Đối với các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh chưa lập dự toán hoặc đã lập dự toán theo Bảng giá ca máy và thiết bị thi công ban hành kèm theo Quyết định số 3482/2012/QĐ-UBND ngày 27/12/2012; Quyết định 3163/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh nhưng đến thời điểm Bảng giá ca máy và thiết bị thi công này được công bố có hiệu lực chưa phê duyệt thì Chủ đầu tư quyết định lập và điều chỉnh dự toán xây dựng công trình theo tập đơn giá này.

2. Đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đã phê duyệt tổng mức đầu tư, dự toán trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thì tiến hành theo dự toán đã được duyệt và theo các văn bản quy phạm hiện hành của nhà nước về quản lý chi phí đầu tư xây dựng để thực hiện.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực từ ngày 01/01/2018 và thay thế nội dung các Bảng giá ca máy ban hành kèm theo Quyết định số 3482/2012/QĐ-UBND ngày 27/12/2012; Quyết định 3163/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Giao Sở Xây dựng: (1) Công bố điều chỉnh, bổ sung các định mức, đơn giá ca máy xây dựng công trình; (2) Hướng dẫn áp dụng, quản lý việc thực hiện, phối hợp các ngành liên quan giải quyết những biến động về thành phần đơn giá, biến động về giá nguyên liệu, nhiên liệu, năng lượng, tiền lương... trong quá trình thực hiện đơn giá ca máy xây dựng công trình kèm theo quyết định này.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Xây dựng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông Vận tải, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Thanh tra tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*m*

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- Bộ Xây dựng;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- V0-4, XD1-5, GT1,2, TM1-4;
- Lưu VT, XD4.

40bQĐ 12BĐG1

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Văn Diện
Vũ Văn Diện